

CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN VIỆT NAM TRONG SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

Ngô Thị Phượng^(*)

Đội ngũ trí thức Khoa học xã hội và nhân văn (KHXH & NV) là một bộ phận của tầng lớp trí thức nước ta, có nhiệm vụ sáng tạo và truyền bá tri thức KHXH & NV, qua đó tham gia trực tiếp vào đời sống chính trị - xã hội. Đó cũng là lực lượng chính trong xây dựng nền tảng tư tưởng - lý luận, xây dựng đời sống văn hoá - tinh thần, góp phần quan trọng vào sự phát triển của xã hội.

Trong những năm đổi mới vừa qua, đội ngũ trí thức KHXH & NV có nhiều cơ hội thuận lợi cho sự phát triển toàn diện bản thân và phát huy tiềm năng của mình, đồng thời cũng đứng trước nhiều thách thức to lớn. Những cơ hội và thách thức đó là gì? làm thế nào để họ có thể vượt qua thách thức, tận dụng cơ hội để vươn lên, đóng góp nhiều hơn nữa cho đất nước? Đó là những vấn đề mà bài viết này muốn đề cập.

1. Những cơ hội đối với đội ngũ trí thức KHXH & NV Việt Nam

Thứ nhất, Đảng, Nhà nước và xã hội quan tâm và tạo nhiều điều kiện cho lao động sáng tạo của đội ngũ trí thức KHXH & NV Việt Nam.

Trong những năm đổi mới vừa qua, nhận thức của Đảng và Nhà nước, của xã hội về tầm quan trọng của đội ngũ trí thức nói chung và trí thức KHXH & NV ngày càng nâng cao. Điều đó được thể hiện trong hàng loạt văn kiện của Đảng ta: Văn kiện

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (1986), Nghị quyết 26-NQ/TƯ của Bộ Chính trị ngày 30/3/1991, Nghị quyết 01-NQ/TƯ ngày 28/3/1992 của Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khoá VII, Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ hai khoá VIII (1996) và đến Nghị quyết Hội nghị Trung ương Sáu khoá IX (2002). Trong các văn kiện đó, quan điểm coi khoa học và công nghệ là “nền tảng” và “động lực” của công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, khoa học và công nghệ là “quốc sách hàng đầu” từng bước hình thành.

Quan điểm đó được cụ thể hoá thành chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với trí thức và dần dần được thực hiện trong thực tiễn: Năm 2000 Quốc hội đã thông qua và ban hành Luật khoa học và công nghệ; cơ chế quản lý khoa học và công nghệ được đổi mới theo hướng tạo lập thị trường cho khoa học và công nghệ; chính sách tài chính cho khoa học công nghệ được đổi mới, ngân sách nhà nước dành cho khoa học công nghệ được nâng cao dần (từ dưới 1% GDP năm 1996 đến 2000 đạt 2% GDP), chế độ lương từ sau Hội nghị Trung ương lần thứ Hai khoá VIII có sự cải tiến; Nhà nước đã thực hiện trao các giải thưởng lớn cho các tổ chức và các nhà khoa học có thành tích đóng góp cho sự nghiệp khoa học và công nghệ: Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước...

^(*) Khoa Triết học, Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Đồng thời, Đảng và Nhà nước ta còn có sự định hướng, giao nhiệm vụ cụ thể cho đội ngũ trí thức KHXH & NV trong từng giai đoạn của thời kỳ đổi mới. Chẳng hạn, giai đoạn 1991-1995, Thủ tướng chính phủ đã duyệt 10 chương trình về KHXH & NV (KX.01 - KX.10), gồm 153 đề tài; Giai đoạn 1996 - 2000 đội ngũ trí thức KHXH & NV Việt Nam được Thủ tướng chính phủ duyệt 7 chương trình nghiên cứu (KHXH.01 - KHXH.07) gồm 56 đề tài... Hội nghị Trung ương lần thứ hai khoá VIII đã nêu sáu vấn đề lý luận và thực tiễn cần được đội ngũ trí thức KHXH & NV nghiên cứu và giải đáp. Đến Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Đảng ta tiếp tục khẳng định: "Khoa học xã hội nhân văn hướng vào việc giải đáp các vấn đề lý luận và thực tiễn, dự báo các xu thế phát triển, cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chủ trương chính sách phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng con người, phát huy những di sản văn hoá dân tộc, sáng tạo những giá trị văn hoá mới của Việt Nam" [1, tr.112).

Những quan điểm, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước chính là hành lang pháp lý cho lao động của trí thức KHXH & NV, là công cụ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, đồng thời mở ra không gian rộng lớn, tạo những điều kiện thuận lợi cho họ phát triển và phát huy vai trò quan trọng của mình.

Nhận thức của xã hội về vai trò của đội ngũ trí thức cũng được nâng lên đáng kể trong những năm đổi mới. Nhân dân lao động đã chủ động tìm đến với đội ngũ trí thức, liên minh chặt chẽ với trí thức để đổi mới công nghệ, vận dụng tiến bộ của khoa học vào sản xuất nâng cao năng suất lao

động, nâng cao chất lượng sản phẩm. Hệ thống khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư được tổ chức lại. Các tổ chức khoa học và công nghệ tư nhân tăng lên (năm 1995 cả nước có 15 tổ chức, đến năm 2000 con số này là 25).

Với sự quan tâm của xã hội, sự định hướng và chỉ đạo sát sao của Đảng và Nhà nước, nên trong những năm đổi mới vừa qua hoạt động nghiên cứu của đội ngũ trí thức KHXH & NV Việt Nam đã bám sát với thực tiễn của đất nước, phần nào khắc phục được tình trạng: nghiên cứu có tính chất hàn lâm, kinh viện, xa rời thực tiễn, nặng về thuyết minh, minh hoạ một chiều trong những giai đoạn trước.

Thứ hai, thực tiễn sinh động và những thành tựu to lớn của công cuộc đổi mới là môi trường thuận lợi và cơ sở quan trọng cho phát huy vai trò của đội ngũ trí thức KHXH & NV Việt Nam.

Sự nghiệp đổi mới ở nước ta bắt đầu từ Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI (1986), được triển khai trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó đổi mới kinh tế là cơ bản. Cho đến nay, quá trình đổi mới đã đem lại những thành tựu to lớn và quan trọng. Đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội. Tổng sản phẩm trong nước tăng bình quân mỗi năm 7%. Nông nghiệp phát triển liên tục, nhất là lương thực, giá trị xuất khẩu công nghiệp tăng, cơ sở hạ tầng ngày càng hiện đại... Chế độ chính trị ổn định và phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đời sống của nhân dân được cải thiện rõ rệt. Dân trí, chất lượng nguồn nhân lực và tính năng động xã hội nâng cao hơn trước. Quốc phòng, an ninh được củng cố, tăng cường...

Có thể nói, bộ mặt của đất nước đã thay đổi trong những năm qua. Sự thay đổi này là cơ sở thực tiễn, yếu tố quyết định cho sự phát triển vai trò của đội ngũ trí thức KHXH & NV Việt Nam.

Cũng chính trong quá trình đổi mới lại đặt ra rất nhiều vấn đề lý luận cần được nghiên cứu, giải đáp, cần có sự đóng góp tích cực của đội ngũ trí thức KHXH & NV Việt Nam, như vấn đề: Chủ nghĩa xã hội là gì? Làm thế nào để xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam? Thực chất của con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam? Các giai đoạn của bước quá độ này như thế nào? Mô hình chủ nghĩa xã hội ở nước ta là gì?... Lời giải cho những câu hỏi đó liên quan đến hàng loạt vấn đề lý luận khác. Đội ngũ trí thức KHXH & NV có điều kiện và trách nhiệm hơn cả trong việc trả lời những câu hỏi và những vấn đề lý luận này. Như vậy, chính trong sự nghiệp đổi mới, nhu cầu của xã hội đối với đội ngũ trí thức KHXH & NV tăng lên và trọng trách của họ cũng nặng nề hơn bất cứ lúc nào so với những giai đoạn đã qua của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Bản thân đội ngũ trí thức KHXH & NV Việt Nam hiện nay được hình thành trong quá trình trí thức hoá các giai tầng trong xã hội mà chủ yếu là công nhân và nông dân, gắn bó sâu sắc với công nhân, nông dân trong đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trước yêu cầu của sự nghiệp đổi mới, họ đã không quản những khó khăn trước mắt, hết lòng thực hiện những nhiệm vụ mà cách mạng giao phó, và đã có những đóng góp quan trọng vào quá trình đổi mới. Tại Hội nghị Trung ương lần Hai khoá VIII,

Đảng ta đã ghi nhận: “nhiều kết luận của KHXH & NV đã được dùng làm cơ sở để soạn thảo các nghị quyết, hoạch định các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, góp phần vào thành công của công cuộc đổi mới” [2, tr.50]. Qua đó, trí thức KHXH & NV đã xác định được vị trí, vai trò của mình đối với xã hội, đồng thời cũng ngày càng trưởng thành.

Thứ ba, nhiều yếu tố của thời đại và quốc tế tác động tích cực đến đội ngũ trí thức KHXH & NV Việt Nam.

Sự nghiệp đổi mới ở nước ta được tiến hành trong những điều kiện thuận lợi do bối cảnh quốc tế đem lại: khoa học và công nghệ hiện đại phát triển mạnh mẽ, nhất là công nghệ thông tin, đã tạo điều kiện cho đội ngũ trí thức KHXH & NV Việt Nam có thể tiếp xúc với nhiều thông tin, tiếp cận với nhiều thành tựu tiên bộ của nền văn minh nhân loại thông qua mạng thông tin đa chiều, đa phương tiện hiện đại; trong xu thế toàn cầu hoá, sự phụ thuộc, tác động qua lại giữa các nước tăng lên mạnh mẽ, các quốc gia, dân tộc, các châu lục dường như gần gũi nhau hơn, hiểu biết nhau nhiều hơn, dễ đồng cảm với nhau hơn và sự cạnh tranh để khẳng định mình cũng gay gắt hơn; kinh tế thế giới đang chuyển từ nền kinh tế công nghiệp sang nền kinh tế tri thức, trong đó thị trường cho khoa học và công nghệ được tạo lập và có sự quan tâm của hầu hết các nước trên thế giới. Thị trường này vừa thúc đẩy lao động sáng tạo của tầng lớp trí thức (trong đó có trí thức KHXH & NV), vừa gắn kết họ với nhau. Qua đó, đội ngũ trí thức KHXH & NV Việt Nam có thể kế thừa thành tựu khoa học của bạn bè thế giới, để rút ngắn con đường

khám phá bí mật của tự nhiên, xã hội và con người. Những điều kiện đó là cơ hội thuận lợi để đội ngũ trí thức KHXH & NV Việt Nam nâng cao hơn nữa trình độ tri tuệ, bản lĩnh khoa học, bản lĩnh chính trị, kinh nghiệm - những phẩm chất không thể thiếu đối với trí thức nước ta hiện nay.

Những cơ hội này nếu được tận dụng triệt để, không những làm cho bản thân đội ngũ trí thức KHXH & NV Việt Nam ngày càng trưởng thành, xác định được vị thế của mình ở trong nước và cả trên phạm vi quốc tế, mà còn đưa đất nước phát triển nhanh, mạnh, bền vững. Song nếu không tận dụng được thì chính những cơ hội đó lại trở thành thách thức. Ví dụ, với những phương tiện trao đổi thông tin đa dạng và hiện đại hiện nay, trí thức KHXH & NV Việt Nam có cơ hội tiếp cận với những thành tựu khoa học mới một cách nhanh chóng để nâng cao tầm hiểu biết của mình, nhưng nếu không đủ khả năng để tiếp cận hoặc tiếp cận được thông tin nhưng không xử lý được thì cơ hội này không những không có ý nghĩa gì mà còn đẩy họ vào tình trạng lạc hậu xa hơn với thế giới, thậm chí còn có thể gây nên hậu quả khác nữa về tâm lý, về việc làm, cuộc sống...

2. Những thách thức đối với đội ngũ trí thức KHXH & NV Việt Nam

Thứ nhất, trách nhiệm ngày càng nặng nề của đội ngũ trí thức KHXH & NV Việt Nam.

Ở nước ta, đội ngũ trí thức KHXH & NV có nhiệm vụ chủ yếu là nghiên cứu về xã hội và con người Việt Nam. Trong những năm đổi mới vừa qua, họ đã cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chính sách xây dựng, phát triển

đất nước và bảo vệ Tổ quốc; góp phần nâng cao trình độ dân trí; tham gia thẩm định các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội; xây dựng phát triển các bộ môn KHXH & NV đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước.

Cho đến nay, sự nghiệp đổi mới ở nước ta đã đạt được những thành tựu quan trọng, tạo thế và lực để đất nước chuyển sang chặng đường tiếp theo của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội với những nhiệm vụ mới - phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Cuộc đấu tranh giai cấp ở nước ta hiện nay cũng đang diễn biến phức tạp, trong điều kiện mới, hình thức mới: thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá theo định hướng xã hội chủ nghĩa, khắc phục tình trạng nước nghèo, kém phát triển; thực hiện công bằng xã hội, chống áp bức bất công; đấu tranh làm thất bại âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch; bảo vệ độc lập dân tộc, xây dựng nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh, nhân dân hạnh phúc...

Chặng đường trước mắt đang đặt ra nhiều vấn đề xã hội bức xúc, đòi hỏi đội ngũ trí thức KHXH & NV Việt Nam phải giải đáp cả về mặt lý luận cũng như thực tiễn: kinh tế thị trường với mục tiêu công bằng xã hội; công nghiệp hoá, hiện đại hoá với sự phát triển lâu bền của đất nước - phát triển vì mục tiêu nhân văn, vì giá trị nhân đạo, vì con người; hội nhập kinh tế quốc tế với việc giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc và chủ quyền quốc gia; mở rộng quan hệ đối ngoại với việc xây dựng nền

kinh tế độc lập tự chủ; tăng trưởng kinh tế với tiến bộ xã hội... Giải quyết những vấn đề này có ý nghĩa quyết định đến việc thực hiện mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa: “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.

Thứ hai, những khó khăn trong nước và tình hình phức tạp của quốc tế tác động lớn đến đội ngũ trí thức KHXH & NV Việt Nam.

Đến nay, công cuộc đổi mới ở nước ta tuy đã đạt được những thành tựu to lớn, song trước mắt còn nhiều khó khăn: mặc dù nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, nhưng một số mặt còn chưa vững chắc, nền kinh tế nước ta vẫn còn là nền kinh tế tiểu nông, năng suất lao động và hiệu quả sản xuất kinh doanh thấp, cơ sở vật chất còn nghèo nàn, lạc hậu, đời sống của nhân dân còn ở mức thấp, nhiều vấn đề văn hoá, xã hội bức xúc và gay gắt chậm được giải quyết như: vấn đề việc làm, nhà ở, buôn bán ma tuý, mại dâm... Nhìn chung, nước ta vẫn là một nước kinh tế kém phát triển. Trong khi đó, cuộc cạnh tranh trên thế giới ngày càng quyết liệt. Bốn nguy cơ mà nghị quyết của Đảng đã chỉ ra: tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới; chênh hướng xã hội chủ nghĩa, nạn tham nhũng và tệ quan liêu; diễn biến hoà bình do các thế lực thù địch gây ra, vẫn còn tồn tại và diễn biến phức tạp, đan xen và tác động lẫn nhau.

Những khó khăn trên cũng hạn chế đến sự đầu tư của xã hội đối với đội ngũ trí thức KHXH & NV Việt Nam, hạn chế sự phát triển cũng như phát huy vai trò của họ. Đến nay, Đảng, Nhà nước và xã hội đều

thừa nhận khoa học và công nghệ là “quốc sách hàng đầu”, đầu tư cho khoa học và công nghệ là đầu tư cho phát triển. Song, trên thực tế sự đầu tư đó còn rất hạn hẹp. Chế độ lương của đội ngũ trí thức chỉ được xếp trong hệ thống thang lương hành chính sự nghiệp, mà chưa thể hiện sự ưu đãi đối với tính chất đặc thù trong lao động của đội ngũ trí thức. Vì vậy, nhiều người chưa có điều kiện tập trung vào công tác chuyên môn, vào việc học tập nâng cao trình độ, nghiên cứu khoa học, tâm huyết nghề nghiệp bị suy giảm, trình độ chuyên môn bị xói mòn..., dẫn đến tình trạng “bạc chất xám”, “lãng phí chất xám”.

Sự nghiệp đổi mới ở nước ta được thực hiện trong tình hình thế giới diễn biến phức tạp. Hoà bình, ổn định và hợp tác là nhu cầu, đòi hỏi của các quốc gia dân tộc, trong khi đó tình trạng xung đột dân tộc, sắc tộc, chủ nghĩa khủng bố..., trên thế giới vẫn gay gắt. Các thế lực phản động không ngừng lợi dụng chiêu bài “dân chủ”, “nhân quyền”, “tôn giáo” để mưu toan thực hiện “diễn biến hoà bình” nhằm xoá bỏ thành quả cách mạng của Đảng và nhân dân ta...

Bên cạnh những tác động tích cực, xu thế toàn cầu hoá còn tác động tiêu cực, nhất là về mặt xã hội đối với tất cả các dân tộc trên thế giới. Ví dụ, sự tăng lên của những bất bình đẳng xã hội, nguy cơ đánh mất chủ quyền quốc gia, đánh mất bản sắc văn hoá dân tộc, sự lan tràn những hiện tượng tiêu cực của đời sống... Nước ta trong xu thế toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế cũng phải đối mặt với những tác động tiêu cực đó. Kết quả của việc quan trọng đối phó với những tác động tiêu cực ấy như thế nào có ý nghĩa quan trọng đến sự phát triển bền vững của các dân tộc.

Để góp phần giải đáp những vấn đề lý luận đặt ra từ sự nghiệp đổi mới, đối phó với những tác động tiêu cực do toàn cầu hoá đem lại, đưa đất nước tránh khỏi những nguy cơ trên, đội ngũ trí thức KHXH & NV Việt Nam phải có tầm tư duy, trí tuệ cao để nhìn nhận, giải quyết các vấn đề xã hội của đất nước trong bối cảnh toàn cầu hoá. Nghĩa là bản thân các nhà KHXH & NV cũng phải “toàn cầu hoá” sự hiểu biết của mình. Đây chính là một áp lực tương đối lớn đối với đội ngũ trí thức KHXH & NV Việt Nam hiện nay. Vượt qua được áp lực này đòi hỏi sự nỗ lực rất cao của từng cá nhân cũng như toàn đội ngũ.

Thứ ba, hạn chế về số lượng, chất lượng và cơ cấu của đội ngũ trí thức KHXH & NV Việt Nam.

Bản thân đội ngũ trí thức KHXH & NV Việt Nam còn nhiều hạn chế, bất cập trước yêu cầu ngày càng cao của nhiệm vụ cách mạng: về số lượng, cơ cấu, năng lực hoạt động lý luận và thực tiễn... Hội nghị lần thứ Sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá IX đã nhận xét: “Đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ vẫn còn thiếu, bất hợp lý về cơ cấu ngành nghề và phân bố. Năng lực, trình độ của đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ phát triển chậm, nhiều mặt còn thấp so với nhiều nước trong khu vực” [3, tr.83]

Đội ngũ trí thức cả nước ta hiện nay có khoảng 1,4 triệu người, bình quân 190 trí thức trên 1 vạn dân. Trong số đó, trí thức ngành KHXH & NV chiếm tỷ lệ thấp, hầu hết tập trung ở các viện nghiên cứu, trường đại học ở hai trung tâm lớn của đất nước là Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Chỉ tính ở các trường đại học, cao đẳng trên cả

nước, đội ngũ cán bộ giảng dạy các môn khoa học Mác-Lênin là 1800, trong khi đó nhu cầu cần đến 3000...; đội ngũ chuyên gia khoa học đầu ngành còn rất mỏng. Theo số liệu của Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường và Tổng cục thống kê thì hiện nay ở nước ta, cứ 140,41 cử nhân ngành KHXH & NV có 2,56 thạc sĩ và 1 tiến sĩ. Trong khi đó tỷ lệ này ở ngành khoa học tự nhiên là 12,43/0,76/1; ngành khoa học kỹ thuật là 61,19/0,93/1; ngành khoa học nông lâm thủy sản là 58,35/1,03/1. Trong đội ngũ trí thức còn có hiện tượng “lão hoá”, cán bộ đầu ngành đều sắp đến tuổi nghỉ hưu (tuổi bình quân của tiến sĩ là 52,9, tiến sĩ khoa học là 57,2). Do đặc thù của ngành KHXH & NV, tuổi bình quân của trí thức KHXH & NV còn cao hơn. Trong khi đó, lực lượng cán bộ trẻ chậm được bổ sung. Vì vậy, trong đội ngũ trí thức KHXH & NV Việt Nam đang có sự hẫng hụt thế hệ. Không thể khắc phục sự hẫng hụt này một cách nhanh chóng.

Về trình độ, trong đội ngũ trí thức KHXH & NV Việt Nam, số lượng có học vị (tiến sĩ, thạc sĩ) còn ít. Cụ thể là mới chỉ có 0,05% tiến sĩ khoa học; 0,92% tiến sĩ; 0,75% thạc sĩ trong tổng số trí thức KHXH & NV. Trong lao động chưa có sự kết hợp chặt chẽ giữa nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng (nghiên cứu cơ bản bị xem nhẹ), giữa nghiên cứu lý luận với tổng kết thực tiễn, giữa trí thức trong các ngành KHXH & NV và giữa trí thức KHXH & NV với trí thức trong các lĩnh vực khác. Phương pháp nghiên cứu của trí thức KHXH & NV chưa thực tiếp cận với khoa học và công nghệ hiện đại.

Những vấn đề trên đã làm cho năng lực của đội ngũ trí thức KHXH & NV Việt

Nam bị hạn chế, chưa kịp thời trả lời được một số vấn đề do thực tiễn cuộc sống đặt ra, như: “Phát triển nền kinh tế nhiều thành phần trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước, kinh tế trang trại, vấn đề sở hữu, quản lý và sử dụng đất đai, công nghiệp hoá và hiện đại hoá rút ngắn để nhanh chóng bước vào kinh tế tri thức, vấn đề chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, vấn đề tôn giáo, sắc tộc, vấn đề ngăn chặn và đẩy lùi tệ tham nhũng, hoàn thiện cơ chế quản lý trong giai đoạn mới” [3, tr.80]; Các chương trình, đề tài nghiên cứu chưa đáp ứng kịp với sự phát triển của lý luận và thực tiễn, vẫn còn tình trạng nghiên cứu chung chung, trùng lặp.

Những hạn chế trên làm cho chất lượng của đội ngũ trí thức KHXH & NV chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn. Trong khi đó sự đòi hỏi của thực tiễn đối với trí thức KHXH & NV Việt nam ngày càng cao. Các chương trình, dự án phát triển kinh tế - kỹ thuật, giáo dục, khoa học, môi trường... đều cần đến sự thẩm định của các nhà khoa học KHXH & NV. Để thực hiện tốt chức năng này, trí thức KHXH & NV cũng phải có những hiểu biết nhất định trên các lĩnh vực khác của đời sống. Đó chính là thách thức lớn khi đội ngũ trí thức KHXH & NV đứng trước những nhiệm vụ lớn lao của đất nước trong bối cảnh quốc tế hiện nay.

Tuy nhiên, những thách thức cũng có thể trở thành cơ hội, bởi vì hoàn cảnh đó đòi hỏi bản thân đội ngũ trí thức KHXH & NV Việt Nam phải có sự bứt phá, vươn lên ngang tầm với yêu cầu của thực tiễn và thời đại. Trong xu thế toàn cầu hoá, nền

kinh tế tri thức..., họ phải đứng trước sự lựa chọn rất khắc nghiệt: hoặc tiến kịp đà phát triển chung của thế giới, khẳng định vị thế xứng đáng của mình trong thế giới hoặc sẽ không bao giờ, và sẽ mãi mãi đi sau. Trước sự lựa chọn đó chắc chắn họ sẽ phải phát huy hết nội lực của mình để tiến lên, để hoà nhập với thế giới.

Như vậy, đội ngũ trí thức KHXH & NV Việt Nam hiện nay đang đứng trước những cơ hội và thách thức gay gắt. Xem xét, đánh giá những cơ hội và thách thức đó cho thấy việc phân biệt cơ hội và thách thức chỉ mang tính tương đối. Cơ hội có thể trở thành thách thức và ngược lại. Điều này phụ thuộc vào từng cá nhân cũng như bản thân đội ngũ trí thức KHXH & NV, phụ thuộc vào sự định hướng của Đảng, sự quản lý của Nhà nước.

Trên đây là một số cơ hội và thách thức đối với đội ngũ trí thức KHXH & NV Việt Nam hiện nay. Theo chúng tôi, để có thể vượt qua thách thức, phát huy cơ hội, góp phần to lớn hơn nữa vào công cuộc đổi mới đất nước, cần chú ý:

Nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ trí thức KHXH & NV, trên cơ sở đa dạng hoá các hình thức đào tạo, bồi dưỡng; đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng; đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và phương tiện hiện đại trong đào tạo, bồi dưỡng; xây dựng đội ngũ giảng viên đủ về số lượng, mạnh về chất lượng... Đặc biệt, chú ý xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ khoa học có trình độ khoa học cao trong nhiều lĩnh vực, đủ sức giải quyết những vấn đề do thực tiễn đặt ra.

Xây dựng đội ngũ trí thức KHXH & NV hợp lý về cơ cấu: giữa các vùng, giữa

nghiên cứu và đào tạo, giữa khoa học xã hội và khoa học nhân văn, giữa các thế hệ. Việc xây dựng cơ cấu đội ngũ trí thức KHXH & NV hợp lý không những đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội, mà còn phát huy được sức mạnh tổng hợp của toàn đội ngũ trong lao động.

Tăng cường hơn nữa sự hợp tác trong lao động của trí thức KHXH & NV, như hợp tác giữa KHXH & NV với khoa học tự nhiên, khoa học công nghệ; giữa nghiên cứu cơ bản với nghiên cứu ứng dụng và triển khai, đặc biệt là tăng cường hợp tác quốc tế. Thông qua sự hợp tác này, trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, bản lĩnh của đội ngũ trí thức KHXH & NV được nâng cao.

Tạo động lực phù hợp về vật chất và tinh thần để tăng cường khả năng sáng tạo của đội ngũ trí thức KHXH & NV Việt Nam: tiếp tục cải cách chế độ đãi ngộ vật chất như lương, thưởng, hỗ trợ, phụ cấp, điều kiện làm việc... đối với trí thức, đồng thời xây dựng cơ chế cụ thể để tạo môi

trường thực sự dân chủ, công bằng, tự do tư tưởng. Đó là những động lực quan trọng kích thích sự sáng tạo của đội ngũ trí thức KHXH & NV Việt Nam.

Đối mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ, như đổi mới hệ thống các tổ chức khoa học và công nghệ theo hướng giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các tổ chức khoa học công nghệ trong xây dựng và thực hiện kế hoạch, trong quản lý tài chính, nhân lực; đẩy nhanh việc tạo lập thị trường cho hoạt động khoa học và công nghệ; quản lý và ứng dụng kết quả nghiên cứu; cơ chế quản lý tài chính cho khoa học và công nghệ...

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng: định hướng xây dựng đội ngũ trí thức KHXH & NV; định hướng hoạt động nghiên cứu để tạo thành là cơ sở khoa học cho việc hoạch định đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, gắn KHXH & NV với đời sống chính trị, tư tưởng và thực tiễn xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001
2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Hội nghị lần thứ hai BCH Trung ương khoá VIII*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1997
3. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu BCH Trung ương khoá IX*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001
4. Phạm Tất Dong, *Định hướng phát triển đội ngũ trí thức Việt Nam trong công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001
5. Phan Doãn Nam, Một vài suy nghĩ về vấn đề toàn cầu hoá, *Tạp chí Cộng sản*, số 15-1998.

CHANCES AND CHALLENGES FOR INTELLECTUAL'S CIRCLES OF SOCIAL SCIENCES AND HUMANNITIES IN VIETNAM NOWADAYS.

Ngo Thi Phuong

*Department of Phylosophy
College of Social Sciences and Humanities - VNU*

The work analyzed opportunities for intellectual's of social sciences and humanities in Vietnam nowadays: Communist Party, State and country concerned and gave much conditions for creative labour of social sciences and humanities of Vietnam; active practice and great achievement or renewal work is good circumstance and important basis for developing role of its; the element of age effected actively on its. Another way, intellectual's circles of Vietnamese social sciences and humanities also copes with a lot of challenges such as: the more heavy responsibility of its; the difficulties inside country and the complicated questions of the World, which are effecting on it; the limitation on quantity, quality, structure of its. However, opportunities can become challenges and contrast to. The work also shows some ways, which intellectual's circles of Vietnamese social sciences and humanities can use opportunities and pass challenges to more contribute on renewal work of country.